

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN  
NAVIBANK**

**Báo cáo tài chính  
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012  
đã được soát xét**



**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN**  
**AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LTD. (AASC)**

A member of **HLB** International. A world-wide network of independent accounting firms and business advisers  
Thành viên HLB Quốc tế. Mạng lưới quốc tế các hãng kiểm toán và tư vấn quản trị chuyên nghiệp

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,  
Hà Nội

---

**NỘI DUNG**

	<b><u>Trang</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	05-27
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09-10
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	11
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12-27



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,  
Hà Nội

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012.

#### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán E - Việt thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 93/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 05 năm 2008, số 233/UBCK-GP ngày 27 tháng 04 năm 2009, Giấy phép điều chỉnh số 32/GPĐC-UBCK ngày 19 tháng 05 năm 2011, Giấy phép điều chỉnh số 48/GPĐC-UBCK ngày 16 tháng 08 năm 2011 và Quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 21/UBCK-GPLK ngày 16 tháng 05 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

**Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Ông Nguyễn Hồng Sơn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Sơn	Ủy viên
Ông Lê Quang Trí	Ủy viên

**Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Ông Phạm Ngọc Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Trương Hải Hưng	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh

**Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:**

Ông Đặng Đức Thiện	Trưởng ban
--------------------	------------

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,  
Hà Nội

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

#### Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc   
  


**Phạm Ngọc Thăng**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 07 năm 2012

14/01/12  
HỮU  
TỰ  
KẾ  
M T  
KIẾ

14/07/12



Số: 1170 /2012/BC.KTTC-AASC.KT2

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**

Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012  
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank được lập ngày 12 tháng 07 năm 2012, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 được trình bày từ trang 05 đến trang 27 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**



**Nguyễn Thanh Tùng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: Đ0063/KTV

Hà Nội, ngày 26 tháng 09 năm 2012

**Vũ Xuân Biễn**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0743/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>537.621.790.243</b>	<b>926.454.056.705</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	90.072.345.279	119.438.199.623
111	1. Tiền		35.925.753.613	21.663.199.623
112	2. Các khoản tương đương tiền		54.146.591.666	97.775.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		445.700.472.089	805.892.064.305
131	1. Phải thu của khách hàng		5.417.722.000	1.892.935.000
132	2. Trả trước cho người bán		566.140.707	1.179.677.980
138	5. Các khoản phải thu khác	5	440.256.033.248	802.819.451.325
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(539.423.866)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.848.972.875	1.123.792.777
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		641.399.489	349.691.012
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		2.138.661	139.343.084
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	6	7.979.705	9.754.895
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	7	1.197.455.020	625.003.786
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>11.005.680.465</b>	<b>12.682.720.448</b>
220	II. Tài sản cố định		8.064.222.129	9.512.271.184
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	6.048.428.832	7.186.610.719
222	- Nguyên giá		11.752.234.057	11.740.416.784
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.703.805.225)	(4.553.806.065)
227	3. Tài sản cố định vô hình	9	2.015.793.297	2.325.660.465
228	- Nguyên giá		4.272.847.625	4.146.847.625
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.257.054.328)	(1.821.187.160)
260	V. Tài sản dài hạn khác		2.941.458.336	3.170.449.264
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	1.689.448.633	2.040.353.884
263	3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	11	410.293.323	288.379.000
268	4. Tài sản dài hạn khác		841.716.380	841.716.380
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>548.627.470.708</b>	<b>939.136.777.153</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

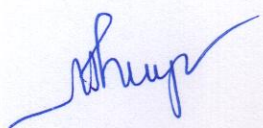
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>423.262.476.004</b>	<b>814.249.343.253</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>123.262.476.004</b>	<b>214.249.343.253</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	12	48.000.000.000	48.000.000.000
312	2. Phải trả người bán		2.347.000	126.977.580
313	3. Người mua trả tiền trước		40.000.000	-
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	88.136.189	144.099.582
316	6. Chi phí phải trả	14	803.661.037	1.168.132.662
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15	74.328.331.778	164.810.133.429
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>300.000.000.000</b>	<b>600.000.000.000</b>
333	3. Phải trả dài hạn khác	16	300.000.000.000	600.000.000.000
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>125.364.994.704</b>	<b>124.887.433.900</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>125.364.994.704</b>	<b>124.887.433.900</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	17	161.000.000.000	161.000.000.000
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(35.635.005.296)	(36.112.566.100)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>548.627.470.708</b>	<b>939.136.777.153</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
006	6. Chứng khoán lưu ký		784.274.370.000	569.805.440.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		731.462.260.000	472.295.240.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		731.462.260.000	472.295.240.000
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		1.005.710.000	1.009.310.000
014	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		1.005.710.000	1.009.310.000
017	6.3. Chứng khoán cầm cố		43.900.000.000	92.700.000.000
019	- Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước		43.900.000.000	92.700.000.000
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		7.905.800.000	3.786.900.000
029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		7.905.800.000	3.786.900.000
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch		600.000	13.990.000
039	- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước		600.000	13.990.000
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		1.656.180.000	-
051	7.1. Chứng khoán giao dịch		1.656.180.000	-
053	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		1.656.180.000	-



**Nguyễn Thị Thanh Thủy**  
Trưởng phòng Tài chính - Kế toán



**Phạm Ngọc Thắng**  
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 12 tháng 07 năm 2012



G  
H  
K  
3



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2012	Từ 01/01/2011
			đến 30/06/2012	đến 30/06/2011
			VND	VND
01	1. Doanh thu	18	16.384.563.893	4.663.533.916
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		3.543.824.521	946.454.757
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		4.242.418.000	63.636.364
01.9	Doanh thu khác		8.598.321.372	3.653.442.795
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		16.384.563.893	4.663.533.916
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	19	9.210.671.959	6.149.011.201
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		7.173.891.934	(1.485.477.285)
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	6.696.580.936	7.748.264.423
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		477.310.998	(9.233.741.708)
31	8. Thu nhập khác	21	15.062.473.970	232.024.611
32	9. Chi phí khác	22	15.062.224.164	669.155.073
40	10. Lợi nhuận khác		249.806	(437.130.462)
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		477.560.804	(9.670.872.170)
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>477.560.804</u>	<u>(9.670.872.170)</u>
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	30	(1.408)

*Thủy*



*Phạm Ngọc Thắng*

Nguyễn Thị Thanh Thủy  
Trưởng phòng Tài chính - Kế toán

Phạm Ngọc Thắng  
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 12 tháng 07 năm 2012

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)  
Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2012	Từ 01/01/2011
			đến 30/06/2012	đến 30/06/2011
			VND	VND
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh chứng khoán</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		477.560.804	(9.670.872.170)
02	Khấu hao tài sản cố định		1.585.866.328	1.425.581.676
03	Các khoản dự phòng		539.423.866	1.194.955.365
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(7.739.488.091)	(415.595.376)
06	Chi phí lãi vay		5.207.534.628	3.564.164.945
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		70.897.535	(3.901.765.560)
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		337.946.902.102	(124.008.172.062)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(375.360.789.334)	27.682.701.686
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		59.196.774	(1.665.728.637)
13	Tiền lãi vay đã trả		(4.884.867.960)	(3.413.498.283)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		15.062.473.970	90.975.083
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(16.078.638.611)	(163.378.474)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		(43.184.825.524)	(105.378.866.247)
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(137.817.273)	(1.346.601.337)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	203.636.364
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		13.956.788.453	3.641.983.718
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		13.818.971.180	2.499.018.745
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	125.900.000.000
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	125.900.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(29.365.854.344)	23.020.152.498

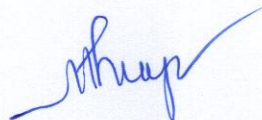
05  
 TỶ  
 HỮU  
 TỰ  
 Ế TỐ  
 TOÁN  
 M-T

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2012	Từ 01/01/2011
			đến 30/06/2012	đến 30/06/2011
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ		119.438.199.623	20.940.450.187
70	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ	4	<u>90.072.345.279</u>	<u>43.960.602.685</u>




**Nguyễn Thị Thanh Thủy**  
Trưởng phòng Tài chính - Kế toán

**Phạm Ngọc Thắng**  
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 12 tháng 07 năm 2012



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Thuyết minh	Đầu kỳ VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Cuối kỳ VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		161.000.000.000	-	-	161.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(36.112.566.100)	477.560.804	-	(35.635.005.296)
<b>CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>124.887.433.900</b>	<b>477.560.804</b>	<b>-</b>	<b>125.364.994.704</b>

Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Thuyết minh	Đầu kỳ VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Cuối kỳ VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		35.100.000.000	125.900.000.000	-	161.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(21.149.652.272)	(9.670.872.170)	-	(30.820.524.442)
<b>CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>13.950.347.728</b>	<b>116.229.127.830</b>	<b>-</b>	<b>130.179.475.558</b>

*Thủy*



*Phạm Ngọc Thắng*

**Nguyễn Thị Thanh Thủy**  
Trưởng phòng Tài chính - Kế toán

**Phạm Ngọc Thắng**  
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 12 tháng 07 năm 2012



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

### 1 . THÔNG TIN CHUNG

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán E - Việt thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 93/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 05 năm 2008, số 233/UBCK-GP ngày 27 tháng 04 năm 2009, Giấy phép điều chỉnh số 32/GPĐC-UBCK ngày 19 tháng 05 năm 2011, Giấy phép điều chỉnh số 48/GPĐC-UBCK ngày 16 tháng 08 năm 2011 và Quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 21/UBCK-GPLK ngày 16 tháng 05 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 161.000.000.000 đồng; tương đương 16.100.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	Số 16 Trương Định, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính.

##### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

##### Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

TRÁCH  
DỊCH  
ÀI CH  
KIẾ  
ĐÁNK

1010

**Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

**Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                       |           |
|-----------------------|-----------|
| - Phương tiện vận tải | 05-06 năm |
| - Thiết bị văn phòng  | 05-07 năm |
| - Phần mềm quản lý    | 05 năm    |

**Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

117  
ĐĂNG  
CHIẾM  
VỤ T  
H KẾ T  
A TO  
M-T

S  
★  
0

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hội tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hội tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**Ghi nhận doanh thu***Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

05-  
TY  
UUH  
V  
AN V  
N  
HAT

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,  
Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

*Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia*

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**Các khoản thuế**

*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.





**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,  
Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

**3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM**

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ
		VND
<b>Của người đầu tư</b>	<b>165.617.233</b>	<b>1.855.569.492.300</b>
- Cổ phiếu	165.617.233	1.855.569.492.300
	<u><b>165.617.233</b></u>	<u><b>1.855.569.492.300</b></u>

**4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
<b>Tiền</b>	<b>35.925.753.613</b>	<b>21.663.199.623</b>
- Tiền mặt tại quỹ	90.894.000	16.243.000
- Tiền gửi ngân hàng	11.516.321.250	11.599.291.767
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	24.318.538.363	10.047.664.856
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>54.146.591.666</b>	<b>97.775.000.000</b>
- Tiền gửi kỳ hạn dưới 3 tháng	54.146.591.666	97.775.000.000
	<u><b>90.072.345.279</b></u>	<u><b>119.438.199.623</b></u>

**5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Bảo hiểm y tế	25.861.500	-
Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	476.905.947	6.694.206.309
Phải thu ông Nguyễn Hữu Quang	39.654.545	39.654.545
Phải thu sản phẩm dịch vụ gia tăng <sup>(1)</sup>	40.499.143.767	81.871.123.291
Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh - bảo lãnh <sup>(2)</sup>	399.200.000.000	714.200.000.000
Phải thu khác	14.467.489	14.467.180
	<u><b>440.256.033.248</b></u>	<u><b>802.819.451.325</b></u>

(1) Số dư phản ánh khoản hỗ trợ tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank cung cấp cho nhà đầu tư căn cứ trên giá trị chứng khoán khớp lệnh của nhà đầu tư. Tổng giá trị tài chính hỗ trợ không vượt quá 50% tài sản của nhà đầu tư hiện có trên tài khoản giao dịch.

(2) Số dư phản ánh khoản tiền hợp tác kinh doanh của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank với các đối tác để đầu tư kinh doanh chứng khoán hoặc bất động sản. Trường hợp hợp tác kinh doanh có lãi, lợi nhuận được chia đều cho 02 (hai) bên. Trường hợp hợp tác kinh doanh lỗ hoặc hòa vốn, khoản tiền hợp tác được hưởng lãi suất theo hợp đồng căn cứ trên thời gian hợp tác kinh doanh thực tế. Khi hết hạn hợp đồng, đối tác sẽ phải trả lại cho Công ty số tiền gốc hợp tác và lãi tương ứng với kết quả kinh doanh.

**6 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế Thu nhập cá nhân	7.979.705	9.754.895
	<u><b>7.979.705</b></u>	<u><b>9.754.895</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,  
Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

**7 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	1.060.286.976	487.835.742
Tài sản thiếu chờ xử lý	137.168.044	137.168.044
	<b><u>1.197.455.020</u></b>	<b><u>625.003.786</u></b>

**8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý khác	Cộng
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu kỳ	1.338.203.819	10.402.212.965	11.740.416.784
Số tăng trong kỳ	-	11.817.273	11.817.273
- Mua sắm mới	-	11.817.273	11.817.273
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	<b><u>1.338.203.819</u></b>	<b><u>10.414.030.238</u></b>	<b><u>11.752.234.057</u></b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu kỳ	320.425.948	4.233.380.117	4.553.806.065
Số tăng trong kỳ	111.515.484	1.038.483.676	1.149.999.160
- Trích khấu hao	111.515.484	1.038.483.676	1.149.999.160
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	<b><u>431.941.432</u></b>	<b><u>5.271.863.793</u></b>	<b><u>5.703.805.225</u></b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số dư đầu kỳ	1.017.777.871	6.168.832.848	7.186.610.719
Số dư cuối kỳ	<b><u>906.262.387</u></b>	<b><u>5.142.166.445</u></b>	<b><u>6.048.428.832</u></b>

**9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm giao dịch, kế toán	Cộng
	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư đầu kỳ	4.146.847.625	4.146.847.625
Số tăng trong kỳ	126.000.000	126.000.000
- Mua sắm mới	126.000.000	126.000.000
Số giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	<b><u>4.272.847.625</u></b>	<b><u>4.272.847.625</u></b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư đầu kỳ	1.821.187.160	1.821.187.160
Số tăng trong kỳ	435.867.168	435.867.168
- Trích khấu hao	435.867.168	435.867.168
Số giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	<b><u>2.257.054.328</u></b>	<b><u>2.257.054.328</u></b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Số dư đầu kỳ	2.325.660.465	2.325.660.465
Số dư cuối kỳ	<b><u>2.015.793.297</u></b>	<b><u>2.015.793.297</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,  
Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

**10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	118.552.070	127.394.610
Chi phí thi công nội thất văn phòng	1.385.388.961	1.664.804.653
Chi phí trả trước dài hạn khác	185.507.602	248.154.621
	<u><b>1.689.448.633</b></u>	<u><b>2.040.353.884</b></u>

**11 . TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	236.888.367	141.072.666
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	53.404.956	27.306.334
Số dư cuối kỳ	<u><b>410.293.323</b></u>	<u><b>288.379.000</b></u>

**12 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn	<b>48.000.000.000</b>	<b>48.000.000.000</b>
- Vay ngân hàng TMCP Nam Việt - Sở Giao dịch	48.000.000.000	48.000.000.000
	<u><b>48.000.000.000</b></u>	<u><b>48.000.000.000</b></u>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số 743/11/HĐHM/101-11 ngày 20 tháng 10 năm 2011 với tổng số hạn mức cấp tín dụng là 50 tỷ đồng trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng hạn mức. Biện pháp bảo đảm cho hợp đồng là tín chấp, hoặc thế chấp, cầm cố bằng tài sản. Hợp đồng được chi tiết thành các hợp đồng tín dụng ngắn hạn kèm khế ước nhận nợ như sau:

(1) Hợp đồng tín dụng ngắn hạn kèm khế ước nhận nợ số 744/11/HĐTD/101-11 ngày 20 tháng 10 năm 2011, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Ngân hàng cho vay số tiền: 5.000.000.000 VND;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
- + Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày giải ngân;
- + Lãi suất cho vay: 20%/năm, từ 03/05/2012 lãi suất giảm xuống còn 15%/năm;

(2) Hợp đồng tín dụng ngắn hạn kèm khế ước nhận nợ số 745/11/HĐTD/101-11 ngày 21 tháng 10 năm 2011, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Ngân hàng cho vay số tiền: 7.000.000.000 VND;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
- + Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày giải ngân;
- + Lãi suất cho vay: 20%/năm, từ 03/05/2012 lãi suất giảm xuống còn 15%/năm;

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn (tiếp theo):**

- (3) Hợp đồng tín dụng ngắn hạn kiêm khế ước nhận nợ số 747/11/HĐTD/101-11 ngày 24 tháng 10 năm 2011, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Ngân hàng cho vay số tiền: 6.000.000.000 VND;
  - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
  - + Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày giải ngân;
  - + Lãi suất cho vay: 20%/năm, từ 03/05/2012 lãi suất giảm xuống còn 15%/năm;
- (4) Hợp đồng tín dụng ngắn hạn kiêm khế ước nhận nợ số 750/11/HĐTD/101-11 ngày 25 tháng 10 năm 2011, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Ngân hàng cho vay số tiền: 6.000.000.000 VND;
  - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
  - + Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày giải ngân;
  - + Lãi suất cho vay: 20%/năm, từ 03/05/2012 lãi suất giảm xuống còn 15%/năm;
- (5) Hợp đồng tín dụng ngắn hạn kiêm khế ước nhận nợ số 756/11/HĐTD/101-11 ngày 26 tháng 10 năm 2011, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Ngân hàng cho vay số tiền: 5.000.000.000 VND;
  - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
  - + Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày giải ngân;
  - + Lãi suất cho vay: 20%/năm, từ 03/05/2012 lãi suất giảm xuống còn 15%/năm;
- (6) Hợp đồng tín dụng ngắn hạn kiêm khế ước nhận nợ số 759/11/HĐTD/101-11 ngày 27 tháng 10 năm 2011, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Ngân hàng cho vay số tiền: 7.000.000.000 VND;
  - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
  - + Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày giải ngân;
  - + Lãi suất cho vay: 20%/năm, từ 03/05/2012 lãi suất giảm xuống còn 15%/năm;
- (7) Hợp đồng tín dụng ngắn hạn kiêm khế ước nhận nợ số 760/11/HĐTD/101-11 ngày 28 tháng 10 năm 2011, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Ngân hàng cho vay số tiền: 8.000.000.000 VND;
  - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
  - + Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày giải ngân;
  - + Lãi suất cho vay: 20%/năm, từ 03/05/2012 lãi suất giảm xuống còn 15%/năm;
- (8) Hợp đồng tín dụng ngắn hạn kiêm khế ước nhận nợ số 761/11/HĐTD/101-11 ngày 31 tháng 10 năm 2011, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Ngân hàng cho vay số tiền: 4.000.000.000 VND;
  - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
  - + Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày giải ngân;
  - + Lãi suất cho vay: 20%/năm, từ 03/05/2012 lãi suất giảm xuống còn 15%/năm;

TP. HỒ CHÍ MINH  
HÀNG  
VĂN  
HÓA  
HÀNG  
TP. HỒ CHÍ MINH

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,  
Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

**13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	26.792.892	-
Thuế Thu nhập cá nhân	61.343.297	144.099.582
	<b>88.136.189</b>	<b>144.099.582</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Trích trước chi phí thuê nhà	-	744.600.000
Chi phí phải trả các sở giao dịch chứng khoán	97.766.131	51.486.920
Chi phí đường truyền trang web	61.932.388	23.273.301
Trích trước chi phí điện nước	27.881.959	27.748.733
Trích trước chi phí lãi vay	576.000.003	253.333.335
Chi phí phải trả khác	40.080.556	67.690.373
	<b>803.661.037</b>	<b>1.168.132.662</b>

**15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	9.720.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	24.318.538.363	10.047.633.429
Phải trả Ngân hàng TMCP Nam Việt <sup>(1)</sup>	50.000.000.000	150.000.000.000
Lãi vay dự chi	-	4.762.500.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	73.415	-
	<b>74.328.331.778</b>	<b>164.810.133.429</b>

(1) Số dư phản ánh khoản nhận đặt cọc theo Hợp đồng môi giới mua chứng khoán số 02/2011/NAVIS/NAVIBANK ngày 05/09/2011 giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank và Ngân hàng TMCP Nam Việt mà Công ty là bên môi giới. Giá trị đặt cọc sẽ tương đương với 25% giá trị hợp đồng, Công ty không phải trả lãi trên số tiền nhận đặt cọc và thời gian nắm giữ thực tế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,  
Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

**16 . PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải trả Ngân hàng TMCP Phương Tây (*)	300.000.000.000	600.000.000.000
	<b><u>300.000.000.000</u></b>	<b><u>600.000.000.000</u></b>

(\*) Số dư phản ánh khoản nhận đặt cọc theo Hợp đồng môi giới trái phiếu số 0209/2011/HĐ/NVS-WB ngày 16/09/2011 giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank và Ngân hàng TMCP Phương Tây mà Công ty là bên môi giới, tổng giá trị đặt cọc theo hợp đồng là 300 tỷ đồng. Trường hợp giao dịch môi giới trái phiếu không được thực hiện, Công ty phải trả phí bù đắp cơ hội theo lãi suất 16%/năm tính trên số tiền nhận đặt cọc và thời gian nắm giữ thực tế.

**17 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU****a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ
	(%)	VND	(%)	VND
Vốn góp của Ngân hàng TMCP Nam Việt	10,99%	17.700.000.000	10,99%	17.700.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	89,01%	143.300.000.000	89,01%	143.300.000.000
	<b><u>100%</u></b>	<b><u>161.000.000.000</u></b>	<b><u>100%</u></b>	<b><u>161.000.000.000</u></b>

**b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	161.000.000.000	161.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	161.000.000.000	35.100.000.000
- <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	-	125.900.000.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	161.000.000.000	161.000.000.000

**c) Cổ phiếu**

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.100.000	16.100.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.100.000	16.100.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	16.100.000	16.100.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.100.000	16.100.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	16.100.000	16.100.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

TRÁI  
DỊCH  
TÀI  
Q. HOA

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,  
Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

**18 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
<b>Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán</b>	<b>16.384.563.893</b>	<b>4.663.533.916</b>
Trong đó:		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	3.543.824.521	946.454.757
- Doanh thu hoạt động tư vấn	4.242.418.000	63.636.364
- Doanh thu khác	8.598.321.372	3.653.442.795
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>16.384.563.893</b>	<b>4.663.533.916</b>

**19 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	684.939.730	232.555.866
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	251.513.415	111.384.362
Chi phí khác	5.978.274.276	4.311.791.683
Chi phí trực tiếp chung	2.295.944.538	1.493.279.290
- Chi phí nhân viên	2.265.742.813	1.493.279.290
- Chi phí khác bằng tiền	30.201.725	-
	<b>9.210.671.959</b>	<b>6.149.011.201</b>

**20 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.970.568.601	2.200.742.137
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	73.718.601	494.230.305
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.585.866.328	1.425.581.676
Thuế, phí và lệ phí	133.301.381	10.713.000
Chi phí dự phòng	539.423.866	1.194.955.365
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.221.690.433	1.810.557.134
Chi phí khác bằng tiền	172.011.726	611.484.806
	<b>6.696.580.936</b>	<b>7.748.264.423</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,  
Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

**21 . THU NHẬP KHÁC**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	-	190.000.000
Thu nhập từ tiền phạt hợp đồng hợp tác kinh doanh	15.062.222.223	-
Thu nhập khác	251.747	42.024.611
	<b>15.062.473.970</b>	<b>232.024.611</b>

**22 . CHI PHÍ KHÁC**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Chi phí thanh lý tài sản	-	652.550.562
Chi phí phạt hợp đồng môi giới trái phiếu	15.062.222.223	-
Chi phí khác	1.941	16.604.511
	<b>15.062.224.164</b>	<b>669.155.073</b>

**23 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**  
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	477.560.804	(9.670.872.170)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Tổng lợi nhuận chịu thuế	477.560.804	(9.670.872.170)
Chuyển lỗ năm trước	(22.824.919.408)	(7.862.005.580)
Tổng lợi nhuận tính thuế	(22.347.358.604)	(17.532.877.750)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**24 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	477.560.804	(9.670.872.170)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	477.560.804	(9.670.872.170)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	16.100.000	6.867.333
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>30</b>	<b>(1.408)</b>

105-  
CÔNG TY  
M HỮU  
TƯ V  
KẾ TOÁN  
TOÁN  
M-TP





**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,  
Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 30/06/2012</b>				
Vay và nợ	48.000.000.000	-	-	48.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	74.330.678.778	-	-	74.330.678.778
Chi phí phải trả	803.661.037	-	-	803.661.037
<b>Cộng</b>	<b><u>123.134.339.815</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>123.134.339.815</u></b>
<b>Tại ngày 01/01/2012</b>				
Vay và nợ	48.000.000.000	-	-	48.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	164.937.111.009	-	-	164.937.111.009
Chi phí phải trả	1.168.132.662	-	-	1.168.132.662
<b>Cộng</b>	<b><u>214.105.243.671</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>214.105.243.671</u></b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**26 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ngày 14/08/2012, ông Phạm Khánh Duy thực hiện chuyển trả 1 phần hợp đồng hợp tác số 2209/2011/NVS/HĐ-HTKD ngày 16/09/2011 với Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank với tổng số tiền là 226.131.723.700 VND, làm dư nợ các khoản phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh - bảo lãnh (Chi tiết tại thuyết minh số 5 - Phải thu khác) giảm đi với số tiền tương ứng.

Đồng thời ngày 14/08/2012, Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank thực hiện chuyển trả 1 phần gốc cho Ngân hàng TMCP Phương Tây theo Hợp đồng môi giới trái phiếu số 0209/2011/HĐ/NVS/WB ngày 16/09/2011 với số tiền là 226.131.723.700 VND, làm dư nợ các khoản phải trả dài hạn khác (Chi tiết tại thuyết minh số 16 - Phải trả dài hạn khác) cũng được giảm đi với số tiền tương ứng.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,  
Hà Nội

Bảo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

**27 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Bảo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Mối giới và dịch vụ khách hàng	Tư vấn	Khác	Tổng cộng các bộ phận	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	3.543.824.521	4.242.418.000	8.598.321.372	16.384.563.893	16.384.563.893
Chi phí trực tiếp	684.939.730	-	8.525.732.229	9.210.671.959	9.210.671.959
Chi phí phân bổ	-	-	-	-	6.696.331.130
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>2.858.884.791</b>	<b>4.242.418.000</b>	<b>72.589.143</b>	<b>7.173.891.934</b>	<b>477.560.804</b>
Tài sản bộ phận	24.728.831.686	-	494.322.641.380	519.051.473.066	519.051.473.066
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	29.575.997.642
<b>Tổng tài sản</b>	<b>24.728.831.686</b>	<b>-</b>	<b>494.322.641.380</b>	<b>519.051.473.066</b>	<b>548.627.470.708</b>
Nợ phải trả của các bộ phận	374.318.538.363	-	-	374.318.538.363	374.318.538.363
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	48.943.937.641
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>374.318.538.363</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>374.318.538.363</b>	<b>423.262.476.004</b>

Bảo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

110  
 G T  
 H H  
 T U  
 T O A  
 T O A  
 -TP.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,  
Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

**28 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

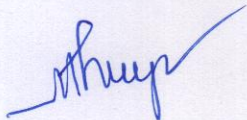
	<u>Mối quan hệ</u>	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
		VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>			
- Ngân hàng TMCP Nam Việt	Cổ đông góp vốn	48.000.000.000	48.000.000.000
<b>Phải trả phải nộp khác</b>			
- Ngân hàng TMCP Nam Việt	Cổ đông góp vốn	50.000.000.000	154.762.500.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Từ 01/01/2012</u>	<u>Từ 01/01/2011</u>
	<u>đến 30/06/2012</u>	<u>đến 30/06/2011</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	832.300.000	850.300.000

**29 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2011, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011. Các báo cáo này đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.



**Nguyễn Thị Thanh Thủy**  
Trưởng phòng Tài chính - Kế toán



**Phạm Ngọc Thắng**  
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 12 tháng 07 năm 2012





**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN**  
*AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LTD. (AASC)*

**TRỤ SỞ CHÍNH:**

Số 01 Lê Phụng Hiểu,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel.: +84-4-3824-1990/1  
Fax: +84-4-3825-3973  
E-mail: [aaschn@hn.vnn.vn](mailto:aaschn@hn.vnn.vn)  
Website: [www.aasc.com.vn](http://www.aasc.com.vn)

**CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH:**

Số 17 Đường Sông Thương, Phường 2,  
Quận Tân Bình, TP. HCM  
Tel.: +84-8-3848-5983 | +84-8-3848-5776  
Fax: +84-8-3547-1838

**VPĐD TẠI QUẢNG NINH:**

Số 8 Đường Chu Văn An  
TP. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh  
Tel.: +84-33-362-7571  
Fax: +84-33-362-7572  
E-mail: [aascqn@aasc.com.vn](mailto:aascqn@aasc.com.vn)